

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đến năm 2040.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
Căn cứ Văn bản số 48/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 của Văn phòng Quốc hội về Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 733/QĐ-TTg ngày 17/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Thái Bình, đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Thái Bình đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Bình đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định 07/2016/QĐ-UBND ngày 21/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành quy định phân cấp quản lý hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 01/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt Nhiệm vụ và Dự toán quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 2408/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thành lập hội đồng thẩm định các đồ án quy hoạch vùng huyện trên địa bàn tỉnh Thái Bình;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại Tờ trình số 259/TTr-UBND ngày 16/8/2019 (kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Quỳnh Phụ về việc Thông qua Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đến năm 2040 và Báo cáo số 274/BC-UBND ngày 16/8/2019); ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng tại Báo cáo số 309/BC-SXD ngày 23/9/2019 (kèm theo Biên bản họp Hội đồng thẩm định các đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện trên địa bàn tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2040 ngày 23/9/2019).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đến năm 2040 với những nội dung chủ yếu sau:

I. Tên đồ án:

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đến năm 2040.

II. Nội dung đồ án quy hoạch

1. Phạm vi ranh giới và diện tích lập quy hoạch

1.1. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch

Phạm vi lập quy hoạch gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Quỳnh Phụ gồm 36 xã và 02 thị trấn; Ranh giới cụ thể:

- Phía Bắc: Giáp các huyện Ninh Giang, Thanh Miện tỉnh Hải Dương và huyện Phù Cừ tỉnh Hưng Yên;

- Phía Nam: Giáp các huyện Đông Hưng và Thái Thụy;

- Phía Đông: Giáp huyện Vĩnh Bảo thành phố Hải Phòng;

- Phía Tây: Giáp huyện Hưng Hà.

1.2. Diện tích lập quy hoạch

Tổng diện tích lập quy hoạch là 20.998,5 ha (209,985 km²).

1.3. Thời kỳ lập quy hoạch: Đến năm 2040.

2. Tính chất

- Là cửa ngõ phía Bắc của tỉnh Thái Bình có vai trò kết nối kinh tế xã hội tỉnh Thái Bình với các tỉnh Hải Dương, Hưng Yên và đặc biệt là Hải Phòng - một cực trong tam giác tăng trưởng (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh).

- Là vùng liên kết ngoại biên có sức giao thương, phát triển đô thị lớn nhờ những yếu tố ngoại ứng nhờ việc giáp ranh với các tỉnh lân cận. Là vùng kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực: Công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, dịch vụ đô thị, du lịch tâm linh, tín ngưỡng, làng nghề.

- Là khu vực có hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ hiện đại, gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững và đảm bảo an ninh quốc phòng.

3. Các chỉ tiêu dự báo phát triển vùng

3.1. Dự báo về chuyển dịch cơ cấu kinh tế

- Đến năm 2030: Kinh tế nông nghiệp khoảng 23%; công nghiệp khoảng 45%; dịch vụ khoảng 32%.

- Đến năm 2040: Kinh tế nông nghiệp khoảng 20%; công nghiệp khoảng 45%; dịch vụ khoảng 35%.

3.2. Dự báo phát triển dân số, lao động

- Hiện trạng năm 2018: Dân số toàn vùng huyện khoảng 232.404 người; Trong đó dân số đô thị (thị trấn Quỳnh Côi, An Bài) 13.596 người, dân số nông thôn 218.808 người; Tỷ lệ đô thị hóa đạt 5,9%.

- Đến năm 2030: Dân số toàn vùng huyện khoảng 261.460 người; Trong đó dân số đô thị khoảng 52.292 người; dân số nông thôn khoảng 209.168 người; Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 20%.

- Đến năm 2040: Dân số toàn vùng huyện khoảng 288.815 người; Trong đó dân số đô thị khoảng 115.526 người; dân số nông thôn khoảng 202.170 người; Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 40%.

3.3. Dự báo về quy mô đất đai

Chỉ tiêu đất dân dụng: Đến năm 2030 đạt khoảng 3.137 ha, bình quân 120m²/người; Đến năm 2040 đạt khoảng 3.754 ha, bình quân 130m²/người.

3.4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam số 01:2008/BXD về Quy hoạch xây dựng ban hành theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng.

4. Định hướng phát triển không gian vùng.

4.1. Mô hình phát triển không gian vùng

Phát triển theo mô hình trung tâm các tiểu vùng gắn với các trục hành lang kinh tế, đảm bảo khả năng liên kết, hỗ trợ, có hạ tầng kỹ thuật - xã hội đồng bộ và môi trường bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Vùng huyện phát triển không gian thành 2 tiểu vùng.

4.1.1. Vùng phía Tây huyện

- Gồm các xã, thị trấn phía Tây huyện: Đô thị Quỳnh Côi và các xã Quỳnh Hưng, Quỳnh Hải, Quỳnh Hồng, Quỳnh Giao, Quỳnh Ngọc, Quỳnh Mỹ, Quỳnh Bảo, Quỳnh Nguyên, Quỳnh Hoa, Quỳnh Minh, Quỳnh Hội, Quỳnh Xá, Quỳnh Trang, Quỳnh Châu, Quỳnh Sơn, Quỳnh Khê, Quỳnh Hoàng, Quỳnh Lâm, Quỳnh Thọ. Trong đó phân thành các vùng chức năng sau:

+ Vùng đô thị: Bao gồm đô thị Quỳnh Côi (quy hoạch mở rộng gồm các xã: Quỳnh Hưng, Quỳnh Hải, Quỳnh Hồng và Quỳnh Giao) và vùng phụ cận. Khu vực này có lợi thế về vị trí địa lý, hạ tầng kỹ thuật, có mối quan hệ đa chiều với các trung tâm kinh tế - xã hội khác thông qua hành lang kinh tế - kỹ thuật đô thị như đường tỉnh ĐT.396B; ĐT.455; ĐT.452, đường Thái Bình - Hà Nam và Quốc lộ 10... Đây là vùng có tiềm năng phát triển chủ đạo về đô thị, công nghiệp, dịch vụ thương mại, giao thông vận tải, du lịch.

+ Vùng kinh tế động lực thứ cấp: Đô thị Quỳnh Ngọc - là trung tâm tiểu vùng phát triển theo hướng nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nông thôn.

4.1.2. Vùng phía Đông huyện

- Gồm các xã, thị trấn phía Đông huyện: Đô thị An Bài (quy hoạch mở rộng gồm các xã: An Ninh, An Vũ, An Lễ) và các xã An Quý, An Ninh, An Lễ, An Vũ, An Đông, An Hiệp, An Khê, An Thái, An Ấp, An Cầu, An Thanh, An Vinh, An Mỹ, An Dục, Đông Tiến, Đông Hải và An Tràng. Trong đó phân thành các vùng chức năng sau:

+ Vùng kinh tế liên kết ngoại biên: Bao gồm đô thị An Bài và vùng phụ cận. Khu vực này có lợi thế về vị trí địa lý tiếp giáp với thành phố Hải Phòng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật tương đối đồng bộ với khả năng giao thương thông qua hành lang kinh tế kỹ thuật tuyến Quốc lộ 10, có tiềm năng phát triển về dịch vụ thương mại, công nghiệp.

+ Vùng kinh tế động lực thứ cấp: Đô thị An Đông - là trung tâm tiểu vùng phát triển theo hướng nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nông thôn.

4.2. Định hướng phát triển đô thị và điểm dân cư nông thôn

4.2.1. Định hướng phát triển đô thị.

- Đô thị Quỳnh Côi

+ Vị trí: Nằm ở phía Tây huyện Quỳnh Phụ và phía Bắc tỉnh Thái Bình.

+ Phạm vi ranh giới: Gồm toàn bộ đô thị Quỳnh Côi và vùng ảnh hưởng gồm các xã Quỳnh Hưng, Quỳnh Hồng, Quỳnh Hải, Quỳnh Giao.

Hướng phát triển về phía Đông sang xã Quỳnh Hải; phía Bắc sang các xã Quỳnh Giao, Quỳnh Hồng; phía Nam sang xã Quỳnh Hưng.

+ Tính chất: Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, thương mại dịch vụ, du lịch, y tế, giáo dục và đô thị cấp vùng.

+ Diện tích: Diện tích đất tự nhiên khoảng 2.476 ha.

+ Quy mô dân số: Đến năm 2025 khoảng 30.000 người; đến năm 2030 khoảng 35.000 người; đến năm 2040 khoảng 38.862 người.

+ Cấp đô thị: Hiện trạng là đô thị loại V; đến năm 2040 đạt tiêu chí đô thị loại IV.

- Đô thị An Bài

+ Vị trí: Nằm ở phía Đông huyện Quỳnh Phụ và phía Đông Bắc tỉnh Thái Bình.

+ Phạm vi ranh giới: Gồm đô thị An Bài hiện tại và vùng ảnh hưởng phát triển gồm các xã An Ninh, An Lễ, An Vũ.

Hướng phát triển về phía Tây Bắc sang các xã An Ninh, An Quý; về phía Tây Nam sang các xã An Vũ, An Lễ.

+ Tính chất: Là trung tâm công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp kỹ thuật cao, dịch vụ du lịch và đô thị tiểu vùng kinh tế phía Đông Bắc của tỉnh Thái Bình.

+ Diện tích: Diện tích tự nhiên khoảng 2.577 ha.

+ Quy mô dân số: Đến năm 2025 khoảng 50.000 người; đến năm 2030 đến khoảng 52.000; đến năm 2040 khoảng 55.000 người.

+ Cấp đô thị: Hiện trạng là đô thị loại V; đến năm 2025 đạt tiêu chí đô thị loại IV.

- Đô thị An Đông

+ Vị trí: Nằm ở phía Đông Bắc huyện Quỳnh Phụ.

+ Phạm vi ranh giới: Gồm toàn bộ địa giới hành chính xã An Đông.

+ Tính chất: Là trung tâm kinh tế, văn hóa xã hội, dịch vụ và nông nghiệp phục vụ nhu cầu phát triển phía Đông Bắc vùng huyện; nằm trong vành đai kinh tế, dịch vụ gắn với đầu mối giao thương kết nối với tỉnh Hải Dương.

+ Diện tích: Diện tích tự nhiên khoảng 620 ha.

+ Quy mô dân số: Đến năm 2025 khoảng 7.500 người; đến năm 2030 đến khoảng 8.500; đến năm 2040 khoảng 10.000 người.

+ Cấp đô thị: Đến năm 2025 đạt tiêu chí đô thị loại V.

- Đô thị Quỳnh Ngọc

+ Vị trí: Nằm ở phía Tây Bắc huyện Quỳnh Phụ.

+ Phạm vi ranh giới: Gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Quỳnh Ngọc

+ Tính chất: Là trung tâm kinh tế, văn hóa xã hội, dịch vụ, công nghiệp và nông nghiệp phục vụ nhu cầu phát triển phía Tây vùng huyện.

+ Diện tích: Diện tích tự nhiên khoảng 798 ha.

+ Quy mô dân số đến năm 2025 khoảng 9.000 người; đến năm 2030 đến khoảng 9.500; đến năm 2040 khoảng 11.664 người.

+ Cấp đô thị: Đến năm 2025 đạt tiêu chí đô thị loại V.

4.2.2. Định hướng phát triển điểm dân cư nông thôn

- Đối với các vùng nông thôn, cần tạo động lực để phát triển tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao và dịch vụ; Xây dựng các trung tâm xã, các điểm dân cư nông thôn để khai thác tiềm năng lợi thế, tạo động lực mới để phát triển kinh tế xã hội.

- Xây dựng các điểm dân cư nông thôn có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại, giàu bản sắc với hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn với phát triển nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ; theo hướng xã hội ổn định, bảo vệ môi trường, an ninh trật tự được giữ vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

- Trên cơ sở các xã đã về đích nông thôn mới, lựa chọn thí điểm và nhân rộng mô hình xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- Đến năm 2040 (sau khi đô thị Quỳnh Côi mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại IV, đô thị An Bài đạt tiêu chí đô thị loại IV, đô thị An Đông và Quỳnh Ngọc đạt tiêu chí đô thị loại V), hệ thống điểm dân cư nông thôn gồm: An Khê, Quỳnh Hoa, Quỳnh Lâm, Quỳnh Thọ, An Hiệp, Quỳnh Hoàng, An Thái, An Cầu, Quỳnh Khê, Quỳnh Minh, An Ấp, Quỳnh Hội, Quỳnh Mỹ, An Quý, An Thanh, Quỳnh Châu - Quỳnh Sơn (sáp nhập), Quỳnh Bảo - Quỳnh Nguyên (sáp nhập), An Mỹ, An Vinh, Quỳnh Xá, An Dục, Đông Hải, Quỳnh Trang, An Tràng, Đông Tiến.

4.3. Định hướng phát triển không gian kinh tế

4.3.1. Định hướng phát triển công nghiệp

Phát triển công nghiệp thân thiện với môi trường với các ngành chủ đạo gồm: Công nghiệp công nghệ cao, cơ khí chế tạo; sản xuất lắp ráp ô tô, xe máy, các phương tiện vận tải; công nghiệp hỗ trợ dệt may, công nghiệp chuyên nông nghiệp và ngành sản xuất tiêu dùng khác: Gồm các vùng sau:

- Vùng công nghiệp 1: Các Cụm công nghiệp khu vực phía Tây của huyện; Bao gồm: Cụm công nghiệp Quỳnh Ngọc 50 ha; Quỳnh Sơn 60 ha; Châu Nguyên 65 ha; Quỳnh Giao, Quỳnh Côi (hiện có); khai thác hành lang kỹ thuật theo tuyến đường tỉnh ĐT.455, ĐT.396B.

- Vùng công nghiệp 2: Các Khu, Cụm công nghiệp khu vực phía Đông và Đông Bắc huyện gồm: Khu công nghiệp chuyên nông nghiệp Thaco- Thái Bình, Khu công nghiệp cầu Nghìn, Cụm công nghiệp Quý Ninh, Đập Neo, Đông Hải (hiện có), Cụm công nghiệp An Hiệp 60 ha; An Vũ 72 ha; khai thác hành lang kỹ thuật theo tuyến Quốc lộ 10 và ĐT.455.

4.3.2. Định hướng phát triển vùng sản xuất nông nghiệp

Quy hoạch phát triển mô hình nông nghiệp công nghệ cao, năng suất, chất lượng, khai thác hiệu quả điều kiện tự nhiên, phát triển và sử dụng bền vững đất nông nghiệp. Định hướng phân thành 3 vùng sau:

- Vùng I: Sản xuất lúa và lúa giống; cây chủ lực của vùng này là lúa hàng hóa và lúa giống tại một số xã như: An Lễ, An Vũ, An Mỹ, An Tràng, An Dục, Đông Hải, Quỳnh Trang, Đông Tiến. Kết hợp chăn nuôi lợn và nuôi trồng thủy sản tại một số xã ven sông Hóa như: An Thanh, An Mỹ.

- Vùng II: Sản xuất lúa và lúa màu; cây chủ lực của vùng này là cây lúa và một số loại cây rau màu (ớt, ngô, rau các loại ...) tại một số xã như: An Hiệp, An Khê, Quỳnh Minh, An Thái, An Ấp, An Cầu, An Ninh, An Quý, Quỳnh Hải, Quỳnh Hội, Quỳnh Xá, An Vinh, Quỳnh Bảo, Quỳnh Nguyên, Quỳnh Mỹ, Quỳnh Châu, Quỳnh Sơn, Quỳnh Hưng, Quỳnh Hồng, Quỳnh Khê.

- Vùng III: Vùng trồng cây lâu năm; phát triển trồng cây ăn quả, cây dược liệu. Tại các xã ven sông Luộc kết hợp nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi đại gia súc như: An Đồng, Quỳnh Thọ, Quỳnh Giao, Quỳnh Hoa, Quỳnh Lâm, Quỳnh Hoàng, Quỳnh Ngọc.

- Hệ thống hạ tầng phục vụ nông nghiệp gồm: Hệ thống đê sông được tu bổ định kỳ đảm bảo an toàn và phục vụ sản xuất nông nghiệp; hệ thống cống, trạm bơm, sông trục, kênh mương thủy lợi, định kỳ bảo trì, nạo vét khơi thông dòng chảy phục vụ sản xuất nông nghiệp.

4.3.3. Định hướng phát triển dịch vụ

Phát triển hệ thống dịch vụ hiện đại gồm trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp, tài chính ngân hàng; dịch vụ vận chuyển (logistic) gắn với khu vực trung tâm vùng và các tiểu vùng, gồm:

- Khu dịch vụ tổng hợp tại đô thị Quỳnh Côi và vùng phụ cận 50 ha; đô thị An Bài và vùng phụ cận, quy mô 50 ha; đô thị An Đồng, quy mô 30ha; đô thị Quỳnh Ngọc, quy mô 30ha.

- Chợ: Xây dựng hoàn thiện 26 chợ hiện có; Trong đó có 3 chợ hạng I (chợ Vĩnh Trà - thị trấn An Bài, chợ Quỳnh Côi - xã Quỳnh Hồng, chợ đầu mối nông sản - xã Quỳnh Hải); nâng cấp chợ An Đồng, Quỳnh Ngọc đạt tiêu chí chợ hạng II; Phát triển hệ thống trung tâm mua sắm, cửa hàng tiện dụng tại trung tâm các xã và khu dân cư.

- Về du lịch: Phát triển du lịch gắn với sự kiện, lễ hội, văn hóa lịch sử, du lịch trải nghiệm các làng nghề chiếu cói, bánh đa Quỳnh Côi...; kết nối các điểm du lịch trọng điểm trong và ngoài tỉnh.

4.4. Định hướng phát triển không gian hạ tầng xã hội

- Hệ thống công trình hành chính: Phát triển hệ thống cơ quan, công sở gắn với quy hoạch chung xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng nông thôn mới, phù hợp với yêu cầu và xu thế phát triển tổ chức hành chính mới. Hoàn thiện trung tâm hành chính đô thị Quỳnh Côi, đô thị An Bài, đô thị An Đồng, Quỳnh Ngọc; Cải tạo nâng cấp trung tâm hành chính các xã, thị trấn phù hợp với đề án sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Hệ thống văn hóa: Xây dựng trung tâm văn hóa cấp vùng gắn với khu dịch vụ đô thị Quỳnh Côi; Phát triển hệ thống văn hóa hiện đại gắn với đô thị, nông thôn, khu du lịch,... hoàn thiện các thiết chế văn hóa cấp xã, thị trấn.

- Hệ thống giáo dục: Cải tạo, nâng cấp hệ thống trường Trung cấp nghề đạt tiêu chuẩn tại đô thị Quỳnh Côi, An Bài; Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ các ngành

kinh tế chủ đạo cấp vùng; Nâng cấp, cải tạo hệ thống trường trung học phổ thông hiện có trên địa bàn huyện; Xây dựng mới cơ sở giáo dục phù hợp với sự phát triển tại đô thị An Đông, Quỳnh Ngọc.

- Hệ thống y tế: Hoàn thiện cơ sở vật chất Bệnh viện đa khoa Quỳnh Phụ và Bệnh viện đa khoa Phụ Dực. Xây dựng Phòng khám đa khoa tại các đô thị An Đông, Quỳnh Ngọc phục vụ nhu cầu tại các tiểu vùng. Hoàn thiện cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cơ sở y tế cấp xã, thị trấn.

- Hệ thống công trình thể thao: Xây dựng Sân vận động, Nhà thi đấu cấp vùng theo quy hoạch tại đô thị Quỳnh Côi; Sân vận động cấp đô thị tại đô thị An Bài, An Đông, Quỳnh Ngọc; các công trình luyện tập thể thao cấp đô thị và khu ở đạt tiêu chuẩn, đồng thời nâng cấp hệ thống thể thao cơ sở hiện hữu.

- Hệ thống nhà ở:

+ Phát triển hệ thống nhà ở đô thị theo quy hoạch, Chương trình phát triển nhà ở và Kế hoạch phát triển nhà ở được duyệt theo hướng đồng bộ hiện đại, khuyến khích xây dựng nhà chung cư cao tầng; đảm bảo tỷ lệ đất xây dựng Nhà ở xã hội theo quy định.

+ Phát triển nhà ở nông thôn theo mô hình khu dân cư nông thôn kiểu mẫu, quy mô từ 3 ha - 10 ha, theo hướng đồng bộ hiện đại và giàu bản sắc.

+ Phát triển hệ thống nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân lao động gắn với quy hoạch các khu công nghiệp theo mô hình khu công nghiệp tổng hợp (công nghiệp - dịch vụ - đô thị).

4.5. Định hướng phát triển vùng cảnh quan thiên nhiên và di sản văn hóa lịch sử, du lịch và bảo tồn

- Phát triển không gian cảnh quan vùng huyện hiện đại, dựa trên cấu trúc cảnh quan và sinh thái tự nhiên, đặc biệt khai thác cảnh quan sông Luộc, sông Hóa phù hợp với điều kiện văn hóa và tự nhiên.

+ Vùng cảnh quan ven sông: Khai thác vùng cảnh quan bên sông Luộc, sông Hóa, tạo ra các không gian mở, các dải cây xanh.

+ Hình thành các vùng sản xuất gắn với phát triển du lịch sinh thái, nông nghiệp và trải nghiệm.

+ Đối với các khu vực đô thị: Xây dựng hệ thống công viên cây xanh, không gian mặt nước theo quy định; Tạo lập các không gian nghỉ ngơi cho người dân và nâng cao tiện ích đô thị.

+ Tại các vùng nông thôn: Tận dụng tối đa hệ thống không gian mặt nước hiện hữu để phát triển không gian xanh gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Vùng di sản văn hóa và lịch sử: Hệ thống công trình tôn giáo, di tích lịch sử, văn hóa, các giá trị vật thể và phi vật thể trong vùng huyện được tôn tạo, gìn giữ và bảo tồn phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân và phát triển du lịch.

- Vùng bảo tồn và cấm hoặc hạn chế xây dựng gồm: Di tích lịch sử, văn hoá; khu vực an ninh quốc phòng; khu vực hành lang ven sông Luộc, sông Hóa, sông Yên Lộng.

5. Định hướng quy hoạch sử dụng đất

STT	Loại đất	Năm 2017		Năm 2030		Năm 2040	
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp	14.690,55	69,96	12.498,91	59,52	11.859,26	56,47
2	Đất phi nông nghiệp;	6.267,29	29,85	8.459,02	40,28	9.098,67	43,33
	+ Đất dân dụng	1.955,87		3.137		3.754	
	+ Đất ngoài dân dụng	4.311,42		5.322,02		5.344,67	
3	Đất chưa sử dụng	40,66	0,19	40,57	0,2	40,57	0,2
4	Tổng diện tích	20.998,5	100	20.998,5	100	20.998,5	100

6. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp vùng

6.1. Định hướng phát triển hệ thống giao thông

- Hệ thống giao thông đối ngoại: Đường vành đai 5 vùng thủ đô Hà Nội; Đường Thái Bình - Hà Nam; Quốc lộ 10; đường từ Thành phố Thái Bình đi Cầu Ngàn; đường tỉnh ĐT.396B; đường tỉnh ĐT.452; đường tỉnh ĐT.455.

- Giao thông đối nội: Các tuyến đường huyện được đầu tư cải tạo, nâng cấp đạt quy mô tiêu chuẩn tối thiểu cấp IV đồng bằng.

6.2. Quy hoạch cao độ nền, thoát nước mặt (Chuẩn bị kỹ thuật):

- Quy hoạch cao độ nền:

+ Khu vực phát triển đô thị: $H_{xd} \geq +2,20m$;

+ Khu vực phát triển công nghiệp: $H_{xd} \geq +2,50m$;

- Thoát nước mặt: Chia thành 4 lưu vực thoát nước chính: Lưu vực 1 (khu vực phía Đông Bắc huyện); Lưu vực 2 (khu vực trung tâm huyện); Lưu vực 3 (khu vực phía Đông Nam); Lưu vực 4 (khu vực phía Tây).

6.3. Định hướng cấp nước

- Nguồn nước cấp cho vùng toàn huyện được lấy từ sông Luộc và sông Hóa.

- Nhu cầu dùng nước: Đến năm 2030, nhu cầu dùng nước toàn huyện khoảng 54.382 m³/ngày đêm; Đến năm 2040 đạt khoảng: 60.189 m³/ngày đêm.

- Công trình đầu mối:

+ Giai đoạn đến năm 2030: Giữ nguyên hệ thống nhà máy nước hiện có gồm Xí nghiệp cấp nước sạch Quỳnh Côi, An Bài; nhà máy cấp nước tại xã An Mỹ, Quỳnh Thọ, An Đồng, An Lễ, Thanh Sơn. Nâng công suất các nhà máy nước: Thanh Sơn 14.000 m³/ngày đêm; Xí nghiệp cấp nước sạch Quỳnh Côi 2.000 m³/ngày đêm; An Bài 3.000 m³/ngày đêm; An Lễ 11.000 m³/ngày đêm.

+ Giai đoạn đến năm 2040: Khai thác ổn định hệ thống nhà máy nước hiện có. Nâng công suất các nhà máy nước: Thanh Sơn 18.500 m³/ngày đêm; Xí nghiệp cấp nước sạch Quỳnh Côi 6.000 m³/ngày đêm; An Bài 8.000 m³/ngày đêm; An Lễ 16.000 m³/ngày đêm.

6.4. Định hướng cấp điện

- Nguồn điện: Nguồn điện cấp cho huyện Quỳnh Phụ đến năm 2040 được cấp từ Trạm biến áp 110kV Quỳnh Phụ, công suất 2x63MVA và Trạm biến áp 110kV Quỳnh Côi, công suất 2x63MVA.

- Lưới điện 110kV: Xây dựng mới đường dây, cải tạo, nâng công suất Trạm 110kV Quỳnh Phụ đảm bảo nhu cầu sử dụng điện, kết hợp xây mới trạm 110kV Quỳnh Côi công suất 2x63MVA.

- Lưới điện 22kV:

+ Các khu vực phát triển đô thị và khu vực thị trấn Quỳnh Côi, An Bài lưới trung thế về lâu dài cần được đầu tư ngầm hóa để đảm bảo mỹ quan đô thị, dần đồng bộ nâng áp về cấp điện áp tiêu chuẩn 22kV.

+ Các tuyến trung thế 10kV, 35kV hiện có không phù hợp với quy hoạch cần được đầu tư di chuyển cải tạo nâng cấp điện áp lên 22kV và đi theo các tuyến đường quy hoạch.

6.5. Định hướng thông tin liên lạc

- Bưu chính: Phát triển dịch vụ bưu chính điện tử: Đa dạng hóa loại hình dịch vụ, thanh toán điện tử.

- Đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc, đảm bảo cung cấp đầy đủ các loại hình dịch vụ viễn thông; cáp quang đến 100% xã, cụm xã; Phủ sóng 4G đến 100% khu dân cư. Hoàn thiện xây dựng hạ tầng mạng NGN. Ngầm hóa hệ thống cáp thông tin liên lạc tại khu vực trung tâm đô thị, các khu đô thị mới và khu vực công trình công cộng đô thị. Từng bước hạ ngầm cáp thông tin liên lạc tại các khu đô thị hiện hữu.

6.6. Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn (CTR) và nghĩa trang

6.6.1. Thoát nước thải

- Tại khu vực đô thị: Sử dụng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn, trạm xử lý nước thải tập trung.

- Tại các khu, cụm công nghiệp: Nước thải được xử lý cục bộ trong từng nhà máy trước khi được xử lý lần 2 tại các Trạm xử lý nước thải tập trung của từng Khu, Cụm công nghiệp.

- Tại các khu dịch vụ, du lịch: Các khu du lịch có yêu cầu vệ sinh môi trường cao, mật độ xây dựng thấp, phân tán; Ưu tiên xử lý cục bộ nước thải cho từng công trình hoặc nhóm công trình bằng các loại bể tiên tiến. Nước thải sau các bể này sẽ được xử lý triệt để bằng hệ thống hào lọc hoặc tận dụng lại để tưới cây, rửa đường.

- Tại các Bệnh viện và cơ sở y tế, đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung.

- Tại khu vực làng xóm hiện hữu: 100% các hộ gia đình phải có khu vệ sinh đảm bảo quy định, khuyến khích sử dụng bể tự hoại hợp quy cách.

- Các điểm dân cư nông thôn có lượng nước nhỏ và phân tán: Xây dựng mương đập tẩm đan, thoát nước chung với nước mưa, tận dụng hệ thống kênh, mương nội đồng; ao, hồ sẵn có ngoài đồng để xử lý sinh học trong điều kiện tự nhiên. Tái sử dụng nước thải sau xử lý để phục vụ nông nghiệp.

- Các nhóm hộ gia đình có chăn nuôi gia súc, gia cầm và các trang trại nuôi gia súc tập trung sẽ xây bể biogas, xử lý phân rác thải và thu khí gas phục vụ sinh hoạt.

6.6.2. Quản lý chất thải rắn (CTR)

- Quy hoạch khu xử lý chất thải rắn tại xã Quỳnh Minh, diện tích khoảng 5,0 ha.

- Các lò đốt rác tại các địa phương duy trì hoạt động đến 2030; giai đoạn sau 2030 rác thải được xử lý tập trung tại nhà máy rác cấp vùng.

- Tại các khu công nghiệp: Xây dựng các Nhà máy xử lý rác thải theo quy mô, tính chất của từng khu công nghiệp.

- Rác thải trong các Bệnh viện, cơ sở y tế và chăn nuôi tập trung được thu gom, phân loại và xử lý tại Nhà máy xử lý rác cấp vùng.

- Rác thải tại khu vực đô thị được thu gom và xử lý 100%; tại nông thôn tỷ lệ thu gom và xử lý đạt 80%.

6.6.3. Nghĩa trang

- Tại khu vực đô thị: Sử dụng nghĩa trang nhân dân theo quy hoạch đã được phê duyệt. Các nghĩa trang hiện hữu không đủ khoảng cách ly vệ sinh an toàn môi trường sẽ tiến tới đóng cửa. Sau năm 2030 toàn bộ hoạt động an táng được đưa về nghĩa trang tập trung.

- Tại khu vực nông thôn: Đối với nghĩa trang hiện hữu được tổ chức lại khang trang, phải có hành lang cây xanh cách ly, hệ thống xử lý kỹ thuật đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường. Các nghĩa trang xây dựng mới được thực hiện theo mô hình nghĩa trang nhân dân kiểu mẫu.

- Xây dựng các cơ chế chính sách, khuyến khích người dân sử dụng hình thức hỏa táng.

7. Đánh giá môi trường chiến lược

7.1. Các giải pháp chính về bảo vệ môi trường

- Xây dựng khung pháp lý để quản lý theo quy hoạch được phê duyệt, hoàn thiện các chương trình đề án, kế hoạch về bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác xây dựng, quản lý đô thị và bảo vệ môi trường, tuyên truyền pháp luật, công bố công khai quy hoạch tạo đồng thuận, nâng cao ý thức trách nhiệm cá nhân của tổ chức và của cộng đồng trong việc chấp hành luật pháp về thực hiện đầu tư xây dựng quản lý đô thị và bảo vệ môi trường.

- Sử dụng năng lượng tái tạo; ưu tiên phát triển mô hình kiến trúc xanh; duy trì, mở rộng và bảo vệ diện tích mặt nước; khuyến khích sử dụng công nghệ thân thiện môi trường trong các lĩnh vực sản xuất và sinh hoạt; khuyến khích sử dụng các phương tiện giao thông công cộng, sử dụng năng lượng sạch; sử dụng, khai thác hợp lý nguồn tài nguyên khoáng sản, nguồn nước, đảm bảo các quy định về môi trường. Xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát định kỳ về môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, khu khai thác khoáng sản và các khu vực khác có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

7.2. Các giải pháp chủ yếu đối với từng phân vùng

- Khu vực phát triển đô thị: Xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom, xử lý nước thải và chất thải rắn; duy trì và phát triển hệ thống cây xanh cảnh quan, hồ điều hòa.

- Khu, cụm công nghiệp: Áp dụng hệ thống quản lý và bảo vệ môi trường theo Bộ tiêu chuẩn ISO 14000.

- Khu vực nông thôn: Đầu tư hệ thống thiết bị cho việc phân loại và thu gom rác thải sinh hoạt; xây dựng hệ thống thoát nước hợp vệ sinh; quy hoạch các khu chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; áp dụng các quy trình sản xuất công nghệ cao, sạch trong sản xuất nông nghiệp.

- Khu vực hành lang xanh: Bao gồm toàn bộ không gian cây xanh, mặt nước của đô thị nhằm chống úng ngập, bảo vệ hệ sinh thái, kiểm soát ô nhiễm, điều hòa vi khí hậu và phục hồi môi trường.

7.3. Các giải pháp thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu

- Nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu; lồng ghép vấn đề thích ứng biến đổi khí hậu vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị của khu vực chịu ảnh hưởng trong điều kiện biến đổi khí hậu.

- Hỗ trợ phát triển bền vững cho cộng đồng dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; kiên cố hóa nhà ở, công trình chịu gió bão, ngập lụt; xây dựng đồng bộ và kiên cố hóa đường ven đê, ven sông.

8. Các dự án ưu tiên đầu tư, xây dựng trong kỳ quy hoạch

- Các dự án do Trung ương đầu tư: Đầu tư xây dựng tuyến đường Thái Bình - Hà Nam (đoạn từ nút giao với Quốc lộ 10 đi Thái Thụy), Tuyến đường vành đai V vùng thủ đô Hà Nội.

- Các dự án do tỉnh đầu tư: Tuyến đường từ thành phố Thái Bình đi cầu Nghìn. Dự án nâng cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh ĐT.452, ĐT.455; Dự án nâng cấp tuyến đường huyện ĐH.75 lên thành đường tỉnh kết nối với tỉnh Hải Dương. Hệ thống hạ tầng khung các tuyến giao thông kết nối các khu đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch theo quy hoạch. Hệ thống hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Các dự án do huyện đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp cải tạo các tuyến đường huyện ĐH.72A, ĐH.72B, ĐH.72C, ĐH.73, ĐH.74A, ĐH.75A; ĐH.77, ĐH.78, ĐH.79, ĐH.80, ĐH.81, ĐH.82, ĐH.83, ĐH.84; Các dự án tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng; Các dự án hạ tầng xã hội thiết yếu về y tế, giáo dục; Các dự án hạ tầng kỹ thuật, nghĩa trang, xử lý rác thải.

- Các dự án kêu gọi đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng các Khu, Cụm công nghiệp và các dự án sản xuất công nghiệp của nhà đầu tư thứ cấp; Dự án đầu tư xây dựng, khai thác bến xe khách, xe buýt, công viên và khu vui chơi giải trí ven sông...; Dự án cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp, xây dựng mới một số tuyến đường giao thông đô thị; dự án phát triển nhà ở (bao gồm nhà ở xã hội); dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải các khu công nghiệp; nhà máy xử lý & tái chế rác thải theo công nghệ hiện đại; dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ và đơn vị tư vấn hoàn thiện hồ sơ, bản vẽ theo các nội dung được phê duyệt, có xác nhận của Sở Xây dựng làm căn cứ quản lý quy hoạch, lưu trữ hồ sơ và phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức công bố công khai để nhân dân biết, thực hiện.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, huyện Quỳnh Phụ; Thủ trưởng các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.../

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KTXD. /.../

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Đặng Trọng Thăng